

Bản án số: **37/2021/HNGĐ-ST**

Ngày **20/5/2021**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

2. Ông **Ngô rô Be**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: số 72 đường T , phường A , thành phố R , tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Minh T** - sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Minh T tự tìm hiểu quen biết nhau khoảng 5 năm và chung sống với nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang ngày 02/8/2006.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Thảo thường xuyên đi nhậu, không lo cho vợ con, từ đó vợ chồng thường hay cự cãi, dẫn đến mâu

thuần vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, thấy chung sống với nhau không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 02/2015 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung:

1. Phạm Minh B - sinh ngày 28/9/2006.

2. Phạm Thị Băng B - sinh ngày 03/02/2008. Hiện hai cháu đang sống với chị T

**Tại phiên tòa chị T yêu cầu:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T .

- Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: vợ chồng chị T , anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**\* Bị đơn anh Phạm Minh T trình bày:**

Anh T đồng ý với lời trình bày của chị T về ngày vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, có tài sản chung và không có nợ chung như chị T trình bày như trên là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng đi làm chung rồi xảy ra cự cãi, rồi chị T giận dữ, anh T thừa nhận thường xuyên có nhậu với bạn, nhưng anh không về gây sự đánh vợ con. Anh T xác nhận vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

**Tại phiên tòa anh T yêu cầu:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị T vì anh T còn thương vợ con, muốn con cái có cha có mẹ để lo cho hai đứa con đến khi trưởng thành.

- Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi cháu Băng B , giao cháu Minh B cho chị T nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Phát biểu của Kiểm sát viên tham phiên tòa:**

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời gian chuẩn bị xét xử vụ án chưa phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc vi phạm này không ảnh hưởng lớn đến việc nội dung giải quyết vụ án, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thắm.

- *Về quan hệ con chung*: Đề nghị giao hai cháu Phạm Minh B , sinh ngày 28/9/2006 và Phạm Thị Băng B , sinh ngày 03/02/2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu hai cháu Minh B và Băng B , là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung*: chị T , anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Phạm Minh T có địa chỉ và hộ khẩu thường trú tại ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T chung sống với nhau được UBND xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 75 ngày 02/8/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, do anh T thường hay đi nhậu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Tại phiên tòa, chị T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị T và anh T hai bên đã ly thân với nhau từ tháng 02/2015 cho đến nay. Trong thời gian tòa án thụ lý giải quyết vụ án, trong phiên hòa giải và tại phiên tòa anh T cũng không thể hiện tình cảm nhằm mục đích hàn gắn, mà có ý kiến cho rằng do vợ chồng đi làm chung rồi xảy ra cự cãi, nên chị T mới giận đối với anh T . Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T được ly hôn với anh T . Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh T .

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T chung sống có 02 người con tên Phạm Minh B , sinh ngày 28/9/2006 và Phạm Thị Băng B , sinh ngày 03/02/2008, hiện đang sống với chị T .

Xét thấy, cháu Minh B và cháu Bằng B hiện đang sống với chị T và nguyện vọng của hai cháu Minh B và Bằng B là muốn ở với chị T, các cháu được chị T nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt. Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi hai người con là phù hợp, chị T có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung: chị T, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: Chị T, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Minh T.

**2.** Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi hai người con tên Phạm Minh B, sinh ngày 28/9/2006 và Phạm Thị Bằng B, sinh ngày 03/02/2008. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phạm Minh T tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

**3.** Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Chị T, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5.** Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007987 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**6.** Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**